TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2021/DS-PT.
Ngày 24 - 8 – 2021.
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Hữu Nhân

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Tâm

Bà Lê Thị Vân

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Phước Minh Phong – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa***: Ông Trần Minh Công - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2021/TLPT-DS ngày 19 tháng 7 năm 2021 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số: 43/2021/DS-ST ngày 11/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện LH bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 201/2021/QĐ-PT ngày 29/7/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng PT.

Trụ sở: Tháp B, số 35 HV, quận HK, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Xuân H – Chức vụ: Giám đốc chi nhánh ĐL.

Người đại diện tham gia tố tụng: Bà Phạm Thị Hồng X – Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch TL.

Địa chỉ: Tổ dân phố ĐA, thị trấn Nam Ban, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng.

- *Bị đơn*: Vợ chồng ông Nguyễn Văn Q, sinh năm: 1967.

Bà Đoàn Thị H, sinh năm: 1972.

Địa chỉ: Thôn TN, xã ĐP, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng.

- *Người kháng cáo*: Vợ chồng ông Nguyễn Văn Q, Bà Đoàn Thị H – Bị đơn.

(Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn Ngân hàng B thì:

Ngày 06/3/2019, ông Nguyễn Văn Q, bà Đoàn Thị H, có ký Hợp đồng tín dụng số: 393/2019/8605205/HĐTD vay tại Ngân hàng PT - Chi nhánh ĐL với số tiền 1.500.000.000 đồng; mục đích vay: Chăm sóc cà phê, trồng dâu nuôi tằm và chăn nuôi heo; thời hạn vay: 11 tháng. Tài sản thế chấp bao gồm: Nhà ở và các công trình gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 726225 do Ủy ban nhân dân huyện LH cấp ngày 21/12/1998 theo hợp đồng thế chấp số 393/2019/8605205/HĐBĐ ngày 06/3/2019; đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện LH.

Ông Q, bà H để nợ quá hạn từ ngày 07/02/2020, số tiền gốc và lãi của hợp đồng tín dụng số 393/2019/8605205/HĐTD, nhưng đến nay không thanh toán cho Ngân hàng. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông Q, bà H trả khoản nợ quá hạn nêu trên nhưng đến nay vẫn chưa thanh toán cho Ngân hàng.

Ngày 06/3/2020, Ngân hàng đến nhà làm việc và yêu cầu ông Q, bà H bàn giao tài sản thế chấp cho ngân hàng xử lý theo quy định để thu hồi nợ vay. Tuy nhiên, ông Q, bà H không đồng ý; sau nhiều lần Ngân hàng yêu cầu trả nợ thì ông Q, bà H đã trả được 35.700.000 đồng. Hiện nay ông Q, bà H còn nợ lại Ngân hàng số tiền gốc là 1.464.300.000 đồng, tiền lãi và lãi phạt do quá hạn. Nay Ngân hàng yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Q, bà H phải trả số tiền nợ gốc là 1.464.300.000 đồng, tiền lãi và lãi phạt do quá hạn cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án. Đồng thời, yêu cầu tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp số 393/2019/8605205/HĐBĐ ngày 06/3/2019 cho đến khi ông Q, bà H thanh toán xong toàn bộ nợ cho Ngân hàng.

Ngoài ra, Ngân hàng không có yêu cầu nào khác.

Theo lời trình bày của bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn Q, bà Đoàn Thị H thì:

Năm 2015, vợ chồng ông bà có vay số tiền 900.000.000 đồng của Ngân hàng PT, sau đó không có tiền đáo hạn ngân hàng nên ông bà có vay tiền của ông A để trả cho Ngân hàng, ông bà đã trả đủ tiền vay cho ông A. Do ông bà là người dân, liên hệ vay ngân hàng khó khăn nên ông bà có nhờ bà N môi giới vay ngân hàng với số tiền là 5% trên khoản vay. Năm 2015, vay lần đầu là 900.000.000 đồng từ Ngân hàng thì ông bà chỉ lấy thực tế số tiền 655.000.000 đồng. Lý do, khi vợ chồng ông bà vay 900.000.000 đồng thì mất 200.000.000 đồng phân bón giả, 45.000.000 đồng tiền môi giới và 06 tháng tiền lãi là 42.000.000 đồng, thêm 01 lần 06 tháng tiền lãi của số tiền 1.000.000.000 đồng là 51.000.000 đồng, 03 tháng

lãi là 25.500.000 đồng, lãi cả năm 2020 là 147.000.000 đồng, tổng cộng là 510.500.000 đồng.

Vợ chồng ông bà có vay của Ngân hàng PT 05 lần: Lần 1 năm 2015 là 900.000.000 đồng; lần 2 năm 2016 là 1.000.000.000 đồng; lần 3 năm 2017 là 1.000.000.000 đồng; lần 4 năm 2018 là 1.100.000.000 đồng, lần thứ 5 sau khi đáo hạn thì vợ chồng ông bà có vay của Ngân hàng 1.500.000.000 đồng. Chữ ký và viết ghi họ tên Nguyễn Văn Q, Đoàn Thị H tại Hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp cùng ngày 06/3/2019, bảng kê rút vốn do Ngân hàng cung cấp cho Tòa án là đúng chữ ký của vợ chồng ông bà do vợ chồng ông bà ký và viết ra.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc vợ chồng ông bà phải trả số tiền nợ gốc 1.464.300.000 đồng, tiền lãi và lãi phạt do quá hạn theo Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án. Đồng thời, yêu cầu tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp số 393/2019/8605205/HĐBĐ ngày 06/3/2019 cho đến khi vợ chồng ông bà thanh toán xong toàn bộ nợ cho Ngân hàng thì vợ chồng ông bà đề nghị Ngân hàng trừ số 510.500.000 đồng vào số tiền gốc 1.464.300.000 đồng, số còn lại là 953.800.000 đồng thì vợ chồng ông bà đồng ý trả cho Ngân hàng, vợ chồng ông bà không đồng ý trả tiền tiền lãi, lãi phạt; vợ chồng ông bà đồng ý tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp số 393/2019/8605205/HĐBĐ ngày 06/3/2019.

Ngoài ra, vợ chồng ông bà không có ý kiến gì khác.

Theo lời trình bày của ông Nguyễn Văn A thì:

Việc ông Nguyễn Văn Q, bà Đoàn Thị H vay tiền của Ngân hàng PT thì ông không liên quan, ông cũng không cho ông Q, bà H vay khoản tiền nào, ông cũng không dẫn cán bộ Ngân hàng đi thẩm định đất của ông Q, bà H. Ông có biết bà N nhưng ông không làm ăn gì với bà N. Qua yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với vợ chồng ông Q, bà H thì ông không có ý kiến và không có yêu cầu gì.

Ngoài ra, ông không trình bày gì thêm.

Theo lời trình bày của bà Nguyễn Thị N thì:

Bà và vợ chồng ông Q, bà H chỉ có quen biết, không giao dịch làm ăn gì với nhau, bà không môi giới cho vợ chồng ông Q, bà H vay tiền tại Ngân hàng PT – Chi nhánh ĐL, bà không nhận số tiền 5% từ khoản vay hay số tiền 45.000.000 đồng từ vợ chồng ông Q, bà H. Bà không bán cho vợ chồng ông Q, bà H 20 tấn phân vi sinh và 03 tấn phân NPC và không nhận số tiền bán phân là 200.000.000 đồng từ vợ chồng ông Q, bà H. Trước đây, vào năm 2015, bà có chuyển cho Ngân hàng số tiền 225.670.000 đồng và 10.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng cho ông Q, bà H hay ai thì bà không nhớ, số tiền này giữa bà và ông Q, bà H không còn liên quan. Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với vợ chồng ông Q, bà H thì bà không có ý kiến và không có yêu cầu gì.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số: 43/2021/DS-ST ngày 11/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện LH. Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng PT về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" với vợ chồng ông Nguyễn Văn Q, bà Đoàn Thị H.

2/ Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn Q, bà Đoàn Thị H phải trả cho Ngân hàng PT số tiền nợ gốc 1.464.300.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày xét xử (ngày 11/6/2021) là 332.795.074 đồng, tổng cộng là 1.797.095.074 đồng. Vợ chồng ông Nguyễn Văn Q, bà Đoàn Thị H tiếp tục chịu lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng và bảng kê rút vốn đã ký với Ngân hàng PT kể từ ngày 12/6/2021 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng PT.

3/ Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 393/2019/8605205/HĐBĐ ngày 06 tháng 3 năm 2019 đã ký giữa Ngân hàng PT và vợ chồng ông Nguyễn Văn Q, bà Đoàn Thị H cho đến khi vợ chồng ông Q, bà H trả xong nợ cho Ngân hàng PT.

Ngoài ra, Tòa án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 28/6/2021, bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn Q, Bà Đoàn Thị H có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần Bản án Dân sự sơ thẩm số: 43/2021/DS-ST ngày 11/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện LH theo hướng ông bà chỉ đồng ý trả số tiền 953.800.000 đồng cho ngân hàng (ông bà đề nghị trừ số tiền 510.500.000 đồng vào số tiền gốc là 1.464.300.000 đồng).

Tại phiên tòa hôm nay: Bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn Q, bà Đoàn Thị H vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Người đại diện tham gia tố tụng của nguyên đơn Ngân hàng PT bà Phạm Thị Hồng X không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nhận định: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thụ lý và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa là đúng pháp luật. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn Q, bà Đoàn Thị H, giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số: 43/2021/DS-ST ngày 11/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện LH.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn Q, bà Đoàn Thị H trình bày có mối quan hệ làm ăn với bà Nguyễn Thị N, và sau khi vay tiền của Ngân hàng có mua phân bón của bà N nhưng là phân bón giả; ngoài ra, vợ chồng ông Q, bà H cũng khai nhận có vay tiền của ông Nguyễn Văn A để đáo hạn Ngân hàng, và trước khi vay Ngân hàng ông A có dẫn cán bộ Ngân hàng đi xem đất là tài sản thế chấp nhưng vợ chồng ông Q, bà H không có chứng cứ chứng minh và bà N, ông A cũng không thừa nhận.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự thì *"Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án dân sự là người tuy không khởi kiện,*

không bị kiện, nhưng việc giải quyết vụ án dân sự có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ nên họ được tự mình đề nghị hoặc các đương sự khác đề nghị và được Tòa án chấp nhận đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Trường hợp việc giải quyết vụ án dân sự có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của một người nào đó mà không có ai đề nghị đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì Tòa án phải đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan".

Như vậy, bà N, ông A không có quyền lợi, nghĩa vụ gì liên quan đến quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng với vợ chồng ông Q, bà H; nếu quan hệ dân sự giữa vợ chồng ông Q, bà H với bà N, ông A có tranh chấp thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại xác định bà N, ông A là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này là không đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ tranh chấp:

Xuất phát từ việc bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn Q, bà Đoàn Thị H có thế chấp quyền sử dụng đất để vay vốn tại Ngân hàng PT – chi nhánh ĐL. Đến hạn trả nợ do vợ chồng ông Q, bà H không thực hiện đúng nghĩa vụ, nên ngân hàng yêu cầu vợ chồng ông Q, bà H có nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng tổng số tiền 1.797.095.074 đồng (trong đó 1.464.300.000 đồng tiền gốc và 332.795.074 đồng tiền lãi tính đến ngày 11/6/2021).

Bị đơn vợ chồng ông Q, bà H chỉ đồng ý thanh toán cho ngân hàng số tiền 953.800.000 đồng nên các bên phát sinh tranh chấp. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* là đúng theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn Q, bà Đoàn Thị H thì thấy rằng:

[3.1] Ngày 06/3/2019, vợ chồng ông Q, bà H ký Hợp đồng tín dụng số 393/2019/8605205/HĐTD để vay của Ngân hàng PT – chi nhánh ĐL số tiền là 1.500.000.000 đồng. Ngày 07/3/2019, vợ chồng ông Q, bà H có ký Bản kê rút vốn hợp đồng số 393/2019/8605205/HĐTD nhận của Ngân hàng PT – chi nhánh ĐL số tiền là 1.500.000.000 đồng; thời hạn vay là 11 tháng kể từ ngày 07/3/2019 đến ngày 07/02/2020; phương thức giải ngân: Tiền mặt; lãi suất vay là 10,3%/năm; phương thức trả gốc: Trả toàn bộ vào ngày 07/02/2020; phương thức trả lãi: Định kỳ trả 03 tháng/lần vào ngày 07, kỳ đầu tiên bắt đầu vào ngày 07/6/2019; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; lãi chậm trả áp dụng đối với nợ lãi chậm trả là: 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

[3.2] Để đảm bảo khoản vay trên thì ngày 06/3/2019, vợ chồng ông Q, bà H có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 393/2019/8605205/HĐBD; theo đó vợ chồng ông Q, bà H có thế chấp cho Ngân hàng PT – chi nhánh ĐL thửa đất số 211, 212, 210, tờ bản đồ 09 tại thôn TN, xã ĐP, huyện LH gồm, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 726225 do Uỷ ban nhân dân huyện LH cấp

cho hộ ông Nguyễn Văn Q ngày 21/12/1998, việc thế chấp đã được đăng ký thế chấp theo đúng quy định của pháp luật.

[3.3] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, Ngân hàng cho rằng đã yêu cầu vợ chồng ông Q, bà H trả nợ nhiều lần thì ông Q, bà H mới chỉ trả được 35.700.000 đồng tiền gốc và 117.000.000 đồng tiền lãi.

Vợ chồng ông Q, bà H lại cho rằng vợ chồng ông bà có vay tiền nhiều lần tại Ngân hàng PT – chi nhánh ĐL từ năm 2015 và thừa nhận đã vay số tiền 1.500.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số: 393/2019/8605205/HĐTD của Ngân hàng, thừa nhận chữ ký và chữ viết ghi họ tên Nguyễn Văn Q, Đoàn Thị H tại Hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp cùng ngày 06/3/2019, bảng kê rút vốn do Ngân hàng cung cấp cho Tòa án là đúng chữ ký của vợ chồng ông bà, do vợ chồng ông bà ký và viết ra.

[3.4] Trong quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn sơ thẩm vợ chồng ông Q, bà H thừa nhận có nợ ngân hàng số tiền gốc là 1.464.300.000 đồng, nhưng tại phiên tòa sơ thẩm ngày 06/5/2021, vợ chồng ông Q, bà H lại xác định mới chỉ trả được cho Ngân hàng 6.000.000 đồng tiền gốc và khẳng định năm 2019 sau khi Ngân hàng giải ngân số tiền 1.500.000.000 đồng thì Ngân hàng đã trừ của ông bà số tiền 147.000.000 đồng trong tài khoản của ông Q để trừ tiền lãi dần, thực tế ông bà mới trả được cho Ngân hàng 6.000.000 đồng tiền gốc, số tiền 147.000.000 đồng là tiền lãi.

[3.5] Qua xem xét các tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp thể hiện ngày 07/3/2019, Ngân hàng giải ngân cho vợ chồng ông Q, bà H vay số tiền 1.500.000.000 đồng, sau khi nhận tiền giải ngân thì cùng ngày vợ chồng ông Q, bà H nộp vào tài khoản của vợ chồng ông Q, bà H số tiền 147.000.000 đồng, theo thỏa thuận được ghi trong hợp đồng thì cứ 3 tháng sẽ trả lãi một lần, nên ngày 07/6/2019 Ngân hàng đã trừ trong tài khoản của vợ chồng ông Q, bà H số tiền 38.942.466 đồng; ngày 09/9/2019 trừ số tiền 39.789.041 đồng; ngày 09/12/2019 trừ số tiền 38.519.178 đồng. Như vậy, tổng số tiền lãi Ngân hàng đã thu trong tài khoản của vợ chồng ông Q, bà H là 117.250.685 đồng. Số tiền còn lại trong tài khoản là 29.749.315 đồng thì Ngân hàng xác định do vợ chồng ông Q, bà H đến Ngân hàng đề nghị Ngân hàng trừ vào tiền gốc thì Ngân hàng cũng đồng ý tạo điều kiện cho vợ chồng ông Q, bà H và đã trừ số tiền 29.700.000 đồng trong tài khoản vào tiền gốc, cộng với 6.000.0000 đồng vợ chồng ông Q, bà H đã nộp trả tiền gốc. Tổng số tiền gốc vợ chồng ông Q, bà H đã trả cho Ngân hàng là 35.700.000 đồng. Lời khai của ngân hàng là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp thể hiện vợ chồng ông Q, bà H trả gốc cho Ngân hàng là 35.700.000 đồng và lãi là 117.250.685 đồng.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định vợ chồng ông Q, bà H còn nợ Ngân hàng số tiền gốc 1.464.300.000 đồng là có căn cứ.

[4] Đối với việc vợ chồng ông Q, bà H cho rằng năm 2015, vợ chồng ông bà vay Ngân hàng lần đầu tiên là 900.000.000 đồng thì vợ chồng ông bà chỉ lấy thực tế 655.000.000 đồng, mất 200.000.000 đồng mua phân bón giả của bà N, 45.000.000 đồng tiền môi giới cũng đưa cho bà N và một số lần phải đóng tiền

lãi, tổng cộng là 510.500.000 đồng. Vợ chồng ông Q, bà H đề nghị Ngân hàng trừ số 510.500.000 đồng vào số tiền gốc 1.464.300.000 đồng số còn lại là 953.800.000 đồng thì vợ chồng ông bà đồng ý trả cho Ngân hàng, vợ chồng ông bà không đồng ý trả tiền tiền lãi, lãi phạt.

[4.1] Xét thấy, khoản vay Ngân hàng vào năm 2015 với số tiền 900.000.000 đồng không liên quan đến khoản vay 1.500.000.000 đồng mà Ngân hàng khởi kiện trong vụ án này. Hơn nữa, vợ chồng ông Q, bà H vay tiền của Ngân hàng có thỏa thuận lãi suất; thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyên, đúng quy định của pháp luật nên ông Q, bà H phải trả tiền lãi theo thỏa thuận là phù hợp.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của vợ chồng ông Q, bà H để cấn trừ số tiền 510.500.000 đồng vào khoản tiền gốc 1.464.300.000 đồng là có căn cứ.

[5] Về việc thanh toán nợ: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng xác định số tiền vợ chồng ông Q, bà H còn nợ tính đến ngày 11/6/2021: Nợ gốc 1.464.300.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 25.397.260 đồng, lãi quá hạn là 307.397.814 đồng. Qua đối chiếu chứng từ tính lãi của Ngân hàng và các quy định của pháp luật liên quan thì lãi suất Ngân hàng yêu cầu là phù hợp với sự thỏa thuận của các đương sự tại hợp đồng tín dụng được ký kết, và phù hợp với quy định của pháp luật nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu trả nợ lãi của Ngân hàng, đồng thời Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 393/2019/8605205/HĐBĐ ngày 06/3/2019 cho đến khi vợ chồng ông Q, bà H trả xong nợ cho Ngân hàng là có căn cứ.

Với phân tích trên, Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn Q, bà Đoàn Thị H; sửa bản án sơ thẩm về xác định người tham gia tố tụng theo hướng nhận định trên là có căn cứ.

[6] Về án phí: Do kháng cáo của vợ chồng ông Nguyễn Văn Q, bà Đoàn Thị H không được chấp nhận nên vợ chồng ông Q, bà H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 - Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số: 326/2014/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn Q, bà Đoàn Thị H. Sửa bản án sơ thẩm. Xử:

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng PT về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" với vợ chồng ông Nguyễn Văn Q, bà Đoàn Thị H.

- Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn Q, bà Đoàn Thị H phải trả cho Ngân hàng PT số tiền nợ gốc 1.464.300.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày xét xử (ngày 11/6/2021) là 332.795.074 đồng, tổng cộng là 1.797.095.074 đồng (Một tỷ bảy trăm chín mươi bảy triệu không trăm chín mươi lăm nghìn không trăm bảy mươi tư đồng).

- Vợ chồng ông Nguyễn Văn Q, bà Đoàn Thị H tiếp tục chịu lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng và bảng kê rút vốn đã ký với Ngân hàng PT kể từ ngày 12/6/2021 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng PT.

2- Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 393/2019/8605205/HĐBĐ ngày 06/3//2019 đã ký giữa Ngân hàng PT và vợ chồng ông Nguyễn Văn Q, bà Đoàn Thị H cho đến khi vợ chồng ông Nguyễn Văn Q, bà Đoàn Thị H trả xong nợ cho Ngân hàng PT.

3- Về chi phí tố tụng: Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn Q, bà Đoàn Thị H phải thanh toán cho Ngân hàng PT số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng).

4- Về án phí sơ thẩm:

4.1- Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn Q, bà Đoàn Thị H phải chịu 65.913.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4.2- Hoàn trả cho Ngân hàng PT số tiền 30.557.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0007764 ngày 09/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện LH.

5- Về án phí phúc thẩm:

5.1- Buộc ông Nguyễn Văn Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0015470 ngày 09/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện LH.

5.2- Buộc bà Đoàn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0015469 ngày 09/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện LH.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự".

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND H. LH;
- CCTHADS H. LH;
- Phòng KTNV&THA;
- Các đương sự;
- Lưu AV – HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Hữu Nhân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Thành Tâm - Lê Thị	**Bùi Hữu Nhân**